

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST

Ngày: 17/9/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật;
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng C, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Số 19, khóm B, phường Đ, thành phố L, tỉnh A.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đoàn Quan T, sinh năm 1977; (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Mộng C1, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 336B/19, khóm B, phường Đ, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Mộng C trình bày:

Do mối quan hệ làm ăn nên bà có cho bị đơn là vợ chồng ông Đoàn Quan T và bà Nguyễn Mộng C1 vay số tiền là 100.000.000 đồng. Khi vay có lập Hợp đồng

vay tiền được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thành Quốc công chứng số 1227. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2018, thỏa thuận thời hạn vay là một năm kể từ ngày vay đến hết ngày 21/11/2019; tuy trong Hợp đồng không thể hiện lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận riêng lãi suất là 5%/tháng.

Sau khi vay ông T và bà C1 không trả lãi mặc cho bà nhiều lần nhắc nhở nên khoảng tháng 01/2019, bà có trực tiếp gặp ông T và bà C1 yêu cầu thanh toán nợ trước hạn thì được ông T và bà C1 đồng ý và hẹn đến ngày 21/3/2019 sẽ trả dứt điểm. Tuy nhiên, khi đến hạn ông T và bà C1 vẫn không trả vì vậy ngày 07/5/2019, bà làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ngoài yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà C1 cùng chịu trách nhiệm liên đới thanh toán nợ trước hạn đối với số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng thì còn có yêu cầu trả lãi phát sinh theo Luật định tính từ ngày 21/02/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phát sinh, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông T và bà C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông T và bà C1 đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn ông T và bà C1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mà không có lý do, điều này cho thấy chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bị đơn ông T và bà C1 có vay tiền của nguyên đơn bà C và hiện vẫn còn nợ nguyên đơn vốn gốc là 100.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T và bà C1 cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T và bà C1 phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông T và bà C1 có nơi cư trú tại số 336B/19, khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông T và bà C1 theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông T và bà C1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông T và bà C1, được Công an phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cung cấp thông tin: Đương sự T, sinh năm 1977 và đương sự C1, sinh năm 1979 hiện có nơi cư trú tại số nhà 336B/19, khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Xét thấy, ông T và bà C1 đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn ông T và bà C1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông T và bà C1 cùng chịu trách nhiệm liên đới trả lãi phát sinh theo Luật định kể từ ngày 21/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà C xác định có cho bị đơn ông T và bà C1 vay số tiền là 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/11/2019; sau khi vay do ông T và bà C1 không trả lãi nên nguyên đơn bà C quyết định yêu cầu bị đơn ông T và bà C1 phải thanh toán nợ trước hạn và được bị đơn ông T và bà C1 đồng ý hện đến ngày 21/3/2019 sẽ trả dứt điểm cả vốn lẫn lãi. Tuy nhiên, khi đến hạn bị đơn vẫn không thanh toán nên nguyên đơn bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T và bà C1 cùng chịu trách nhiệm liên đới trả dứt số tiền vay còn nợ vốn gốc là 100.000.000 đồng. Chứng minh cho lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn bà C cung cấp Bản tự khai (bút lục số 16) và bản chính Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thành Quốc công chứng số 1227. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2018 được nguyên đơn với bị đơn ông T và bà C1 cùng ký, ghi họ tên có nội dung thể hiện bị đơn ông T và bà C1 vay của nguyên

đơn bà T số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm tức đến hết ngày 21/11/2019.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Đối chiếu quy định này cho thấy nguyên đơn bà C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông T và bà C1 vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn bà C, xác định sự việc bị đơn ông T và bà C1 xác lập Hợp đồng vay tiền có thời hạn với nguyên đơn bà C, sau đó đồng ý thanh toán nợ trước hạn nhưng đã không thực hiện và vẫn còn nợ nguyên đơn bà C vốn gốc là 100.000.000 đồng như nguyên đơn bà C trình bày; do đó nguyên đơn bà C có quyền yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông T và bà C1 cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ trước hạn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Nguyên đơn bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, phần yêu cầu khởi kiện còn lại được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả cho nguyên đơn bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003078 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông T và bà C1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc ông T và bà C1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà C. Buộc vợ chồng ông T và bà C1 phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Ông T và bà C1 phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 5.000.000 đồng. Bà C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003078 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân Thu

